

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**  
CN11+12 Cụm CN An Đồng- Nam Sách- Huyện Nam Sách - Hải Dương  
MST: 0800373586



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**QUÝ IV - NĂM 2016**

**Báo cáo tài chính gồm có :**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**THUYẾT MINH BCTC**

**HẢI DƯƠNG 2016**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

I SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/09/16	01/01/2016
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>		<b>1,361,646,469,010</b>	<b>1,071,561,008,455</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>406,676,809,154</b>	<b>470,061,718,120</b>
1. Tiền		111		121,149,572,757	242,393,182,850
2. Các khoản tương đương tiền		112		285,527,236,397	227,668,535,270
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130</b>		<b>455,567,565,640</b>	<b>363,509,670,487</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131		221,225,458,631	103,363,445,699
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132		184,015,378,614	169,259,565,534
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn khác		135		-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		136	<b>5.2</b>	51,025,438,748	91,048,764,635
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137		(698,710,353)	(162,105,381)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>140</b>		<b>450,591,281,857</b>	<b>214,186,555,570</b>
1. Hàng tồn kho		141	<b>5.3</b>	450,591,281,857	214,186,555,570
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150</b>		<b>48,810,812,359</b>	<b>23,803,064,278</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		21,275,206,737	14,690,447,772
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		27,535,605,622	9,112,616,506
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>200</b>		<b>1,715,969,509,727</b>	<b>883,203,669,585</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn khác		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>220</b>		<b>1,434,278,060,008</b>	<b>636,532,208,633</b>
1. Tài sản cố định hữu hình		221	<b>5.4</b>	1,338,477,950,662	595,375,421,956
<i>Nguyên giá</i>		222		1,703,369,654,599	901,299,077,489
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(364,891,703,937)	(305,923,655,533)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MTX AN PHÁT**

Lô CN 11+CN 12 Cụm CN An Đông, TT. Nam Sách, H. Nam Sách, T. Hải Dương

Điện thoại: 0320.3755997

Fax: 0320.3755113

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV năm 2016

Mẫu số :Q-01d

	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	5.5	95,800,109,346	41,156,786,677
	Nguyên giá	228		100,838,674,433	45,206,131,504
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5,038,565,087)	(4,049,344,827)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
	Nguyên giá	231		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>214,999,542,284</b>	<b>191,159,377,412</b>
1	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		214,999,542,284	191,159,377,412
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>44,338,667,000</b>	<b>42,587,327,201</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.6	44,338,667,000	42,587,327,201
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>22,353,240,435</b>	<b>12,924,756,339</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		22,332,919,192	12,925,115,705
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		20,321,243	(359,366)
3	Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5	Lợi thế thương mại	269		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3,077,615,978,737</b>	<b>1,954,764,678,040</b>
	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/09/16</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>A -</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2,122,863,876,413</b>	<b>1,135,279,409,795</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,140,284,738,375</b>	<b>667,079,248,529</b>
1	Phải trả ngắn hạn người bán	311		304,263,540,143	200,885,707,160
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11,280,630,943	12,300,795,564
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		6,947,288,639	5,746,819,042
4	Phải trả người lao động	314		9,184,831,648	4,560,270,983
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2,080,000,000	-
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9.	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	5.7	5,705,003,625	3,856,673,854
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.8	800,794,847,498	438,769,898,696
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		28,595,879	959,083,230
13	Quỹ bình ổn giá	323			
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>982,579,138,038</b>	<b>468,200,161,266</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3	Chi phí phải trả dài hạn	333			
4	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5	Phải trả dài hạn nội bộ	335		-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.9	982,579,138,038	171,262,661,266



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MTX AN PHÁT**

Lô CN 11+CN 12 Cụm CN An Đồng, TT. Nam Sách, H. Nam Sách, T. Hải Dương

Điện thoại: 0320.3755997

Fax: 0320.3755113

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV năm 2016

Mẫu số :Q-01d

9	Trái phiếu chuyển đổi	339	5.10	-	296,937,500,000
10	Cổ phiếu ưu đãi	340			
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>B -</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>954,752,102,324</b>	<b>819,485,268,245</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.11</b>	<b>954,752,102,324</b>	<b>819,485,268,245</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		569,649,880,000	494,999,880,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		569,649,880,000	494,999,880,000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		160,721,267,329	147,408,567,329
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		205,250,085	1,587,734,457
8	Quỹ đầu tư phát triển	418		38,274,886,929	35,950,759,648
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		13,177,404,323	13,177,404,323
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		161,862,080,186	116,439,130,668
	- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		71,776,592,221	76,423,259,683
	- LNST chưa PP kỳ này	421b		90,085,487,965	40,015,870,985
12	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10,861,333,472	9,921,791,820
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1	Nguồn kinh phí	432		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3,077,615,978,737</b>	<b>1,954,764,678,040</b>

Hải Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

*Hò*

Hồ Thị Hòe

Kế toán trưởng

*huhot*

Hòa Thị Thu Hà



Chủ tịch HĐQT

Phạm Ánh Dương



# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

## Quý IV Năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm 2016 đến cuối quý IV/2016	Lũy kế từ đầu năm 2015 đến cuối quý IV/2015
			Quý IV/2016	Quý IV/2015		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	667,686,749,630	459,973,169,805	2,145,496,749,447	1,616,048,818,116
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		151,829,729	352,594,792	1,726,940,597	1,499,870,215
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		667,534,919,901	459,620,575,013	2,143,769,808,850	1,614,548,947,901
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	568,748,920,481	402,756,979,629	1,836,734,397,150	1,424,741,156,735
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		98,785,999,420	56,863,595,384	307,035,411,700	189,807,791,166
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	9,364,336,931	4,004,241,859	30,198,848,862	22,394,967,435
7. Chi phí tài chính	22	6.4	26,458,847,770	14,049,073,571	53,927,481,929	49,991,756,319
8. Trong đó: chi phí lãi vay	23		7,265,829,226	6,473,520,309	27,284,472,139	24,065,811,358
9. Phần lãi lỗ trong cty liên kết, liên doanh	24		1,328,378,471	1,907,493,121	1,751,339,799	3,381,873,750
10. Chi phí bán hàng	25		14,528,130,182	9,850,728,132	56,882,135,462	75,230,050,612
11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		15,597,767,894	11,918,055,344	62,622,750,100	41,608,410,264
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52,893,968,976	26,957,473,317	165,553,232,870	48,754,415,156
13. Thu nhập khác	31		1,113,839,192	275,975,063	8,081,453,308	1,864,669,013
14. Chi phí khác	32		5,670,790,430	545,471	7,037,904,139	4,161,615
15. Lợi nhuận khác	40		(4,556,951,238)	275,429,592	1,043,549,169	1,860,507,398
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		48,337,017,738	27,232,902,909	166,596,782,039	50,614,922,554
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		6,890,891,702	5,912,736,437	23,692,445,025	10,029,634,651
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2,422,936)	16,791,273	(20,680,603)	36,474,306
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cty mẹ	60		41,448,548,972	21,303,375,199	142,925,017,617	40,548,813,597
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		41,294,860,102	21,177,198,476	141,985,475,965	40,015,870,985
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		153,688,870	126,176,723	939,541,652	532,942,612
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập biểu

*Hết*

Hồ Thị Hòe

Kế toán trưởng

*Suechet*

Hòa Thị Thu Hà





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2016

Đơn vị tính: VND

SỐ TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV/2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		166,596,782,039	50,614,922,554
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BDS đầu tư	02		92,950,328,773	83,358,285,094
-	Các khoản dự phòng	03		536,604,972	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các	04		10,808,822,854	1,211,216,521
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11,793,166,593)	(11,078,921,256)
-	Chi phí lãi vay	06		27,284,472,139	24,065,811,358
-	Các khoản điều chỉnh khác	07			
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>	08		286,383,844,184	148,171,314,271
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(193,606,733,582)	(118,649,260,136)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(236,404,726,287)	(76,664,467,661)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		211,621,840,946	(54,674,388,479)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(15,992,562,452)	(11,267,697,290)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(27,284,472,139)	(24,065,811,358)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(22,514,289,760)	(3,294,062,793)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		82,589,244,341	73,798,102,941
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4,622,591,025)	(6,702,806,645)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		80,169,554,226	(73,349,077,150)
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,077,441,959,310)	(290,399,851,419)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		53,621,100,893	5,661,363,636
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	30,000,000,000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12,131,982,986	10,369,304,107
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(1,011,688,875,431)	(244,369,183,676)
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		84,247,500,000	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MTX AN PHÁT**

Lô CN 11+CN 12 Cụm CN An Đồng, TT. Nam Sách, H. Nam Sách, T. Hải Dương

Điện thoại: 0320.3755997

Fax: 0320.3755113

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV năm 2016

Mẫu số : Q-03d

2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2,598,523,339,565	1,858,860,744,893
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,728,371,348,611)	(1,406,090,290,912)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(86,362,442,100)	(1,935,000,000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>868,037,048,854</b>	<b>450,835,453,981</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(63,482,272,351)</b>	<b>133,117,193,155</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>470,061,718,120</b>	<b>336,807,716,067</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	97,363,385	136,808,898
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>406,676,809,154</b>	<b>470,061,718,120</b>

Hải Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

*Hò*

Hò Thị Hòe

Kế toán trưởng

*huhòt*

Hòa Thị Thu Hà



Chủ tịch HĐQT

Phạm Ánh Dương



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT** **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**

### **1. THÔNG TIN KHAI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

##### ***Công ty mẹ***

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 09 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0800373586 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 2 năm 2009. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 20 ngày 20 tháng 10 năm 2015.

Công ty có tên giao dịch: AN PHAT PLASTIC AND GREEN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHAT., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

##### ***Công ty con***

1. Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (“Công ty con”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2009. Hiện tại, cty con đang hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 1 năm 2013

Công ty con có tên giao dịch: AN PHAT – YEN BAI MINERAL & PLASTIC JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là AnphatYenbaiM&P., JSC.

Trụ sở của Công ty con tại Khu CN phía Nam- Xã Văn Tiến- TP Yên Bái- Tỉnh Yên Bái

2. Cty TNHH Nhựa Thakhek là cty TNHH được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký KD số 01-000002 ngày 08/04/2013 do Khu kinh tế riêng Thakhek cấp, có trụ sở tại: Khu kinh tế riêng Thakhek, bản Vontay, thị xã Thakhek, tỉnh Khamuon thuộc CH dân chủ nhân dân Lào.

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE);

In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì

- Xây dựng công trình dân dụng;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyển giao công nghệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
- Hoạt động thu gom, xử lý tiêu huỷ rác thải;
- Tái chế phế liệu; và
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất rác thải; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

## **3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo



Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015, Công ty có 2 công ty con, chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

- **Tên Công ty :** Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái  
Địa chỉ : Khu CN phía Nam- Xã văn Tiến- TP Yên Bái- Tỉnh Yên Bái  
Hoạt động chính: Là công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác đá, mua bán vật liệu xây dựng, kinh doanh thương mại và sản xuất các sản phẩm nhựa.

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2016 : 79 000 000 000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 91,86%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 91,86%

- **Tên công ty:** Công ty TNHH Nhựa Thakhek

Địa chỉ: Khu kinh tế riêng Thakhek, bản Vontay, thị xã Thakhek, tỉnh Khamuon thuộc CH dân chủ nhân dân Lào

Hoạt động chính: Là cty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất túi nilon khép kín

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.



Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của thông tư số 179/2012/TT-BTC. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của thông tư số 179/2012/TT-BTC.

#### **Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá vốn bán hàng được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Tại thời điểm lập báo cáo, nhà máy 5 được miễn thuế TNDN, thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động SXKD của Nhà máy số 1, 2 và Nhà máy số 3, hoạt động thương mại và hoạt động khác là 22%

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được



ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 5.1 TIỀN

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>\</b>
Tiền mặt	712,340,467	5,639,613,726
Tiền gửi ngân hàng	120,437,232,290	236,753,569,124
Tiền đang chuyển	-	-
Tương đương tiền	285,527,236,397	227,668,535,270
<b>Cộng</b>	<b>406,676,809,154</b>	<b>470,061,718,120</b>

### 5.2 PHẢI THU KHÁC

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	8,887,218,392	31,335,296,127
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3,789,210,700	37,190,398,970
Thuế GTGT đề nghị hoàn	37,342,010,105	15,220,091,866
Phải thu khác	1,006,999,551	7,302,977,672
<b>Cộng</b>	<b>51,025,438,748</b>	<b>91,048,764,635</b>

### 5.3 HÀNG TỒN KHO

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	26,925,196,561	-
Nguyên liệu, vật liệu	326,621,163,150	159,052,899,529
Công cụ, dụng cụ	12,416,843,576	7,052,472,655
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16,064,918,516	14,092,508,217
Thành phẩm	68,563,160,054	33,988,675,169
Hàng gửi đi bán	-	-
<b>Cộng</b>	<b>450,591,281,857</b>	<b>214,186,555,570</b>



**5.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, sức vật làm việc, cho sản phẩm	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2016	164,220,009,265	626,618,489,189	75,830,243,629	3,534,549,455	15,670,983,000	15,424,802,951	901,299,077,489
Mua trong kỳ	-	588,024,776,840	59,550,669,259	3,296,498,141	-	4,520,696,953	655,392,641,193
Đầu tư XD/CB hoàn thành	233,615,715,693	-	-	-	-	-	233,615,715,693
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	53,627,561,043	32,776,749,327	-	-	-	86,404,310,370
Giảm khác	61,882,718	260,745,707	-	92,840,981	118,000,000	-	533,469,406
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>397,773,842,240</b>	<b>1,160,754,959,279</b>	<b>102,604,163,561</b>	<b>6,738,206,615</b>	<b>15,552,983,000</b>	<b>19,945,499,904</b>	<b>1,703,369,654,599</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2016	35,992,810,841	237,775,537,490	24,429,975,502	1,091,283,810	3,952,219,581	2,681,828,309	305,923,655,533
Khấu hao trong kỳ	10,307,816,316	68,625,589,524	10,345,342,800	437,540,610	832,317,922	1,398,615,681	91,947,222,853
Thanh lý, nhượng bán	-	21,564,323,125	10,942,334,275	-	-	-	32,506,657,400
Giảm khác	61,882,718	248,655,242	-	92,840,981	69,138,108	-	472,517,049
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>46,238,744,439</b>	<b>284,588,148,647</b>	<b>23,832,984,027</b>	<b>1,435,983,439</b>	<b>4,715,399,395</b>	<b>4,080,443,990</b>	<b>364,891,703,937</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày 01/01/2016	128,227,198,424	388,842,951,699	51,400,268,127	2,443,265,645	11,718,763,419	12,742,974,642	595,375,421,956
Tại ngày 31/12/2016	351,535,097,801	876,166,810,632	78,771,179,534	5,302,223,176	10,837,583,605	15,865,055,914	1,338,477,950,662

**5.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2016	45,053,245,844	152,885,660	45,206,131,504
Tăng trong kỳ	55,646,428,589	-	55,646,428,589
Giảm khác	-	13,885,660	13,885,660
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>100,699,674,433</b>	<b>139,000,000</b>	<b>100,838,674,433</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2016	3,982,653,613	66,691,214	3,061,100,017
Khấu hao trong kỳ	967,439,256	35,666,664	1,003,105,920
Giảm khác	-	13,885,660	13,885,660
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>4,950,092,869</b>	<b>88,472,218</b>	<b>4,050,320,277</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2016	41,070,592,231	86,194,446	41,156,786,677
Số dư tại ngày 31/12/2016	95,749,581,564	50,527,782	95,800,109,346



## **5.6 ĐẦU TƯ VÀO CTY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

Đây là khoản đầu tư của Công ty CP Nhựa và Môi Trường Xanh An Phát vào Công ty cổ phần Nhựa bao bì Vinh dưới hình thức mua lại cổ phiếu của các cổ đông trên sàn chứng khoán. Đến ngày 31/12/2015 cty đã nắm giữ 966 582 CP của Cty cổ phần Nhựa bao bì Vinh tương đương với tỷ lệ sở hữu 32.22% trên tổng số lượng CP của Công ty Cổ phần Nhựa Bao Bì Vinh đang lưu hành. Công ty cổ phần Nhựa bao bì Vinh có địa chỉ tại số 18, đường Phong Định Cảng, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, mã chứng khoán là VBC.

## **5.7 PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	478,917,344	123,949,400
Bảo hiểm xã hội	15,413,898	116,881,744
Bảo hiểm y tế	2,566,177	2,214,802
Bảo hiểm thất nghiệp	1,713,278	1,244,405
Tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	25,159,038	2,147,772
Cổ tức phải trả	219,231,292	31,693,792
Phải trả, phải nộp khác	4,962,002,598	3,578,541,939
<b>Cộng</b>	<b>5,705,003,625</b>	<b>3,856,673,854</b>

## **5.8 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA  
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**Lô CN 11+CN 12 Cụm CN An Đồng  
Nam Sách – Hải Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ IV NĂM 2016**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2016  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

	<u>31/12/2016</u> <u>VND</u>	<u>1/1/2016</u> <u>VND</u>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Dương (i)	151,374,437,763	31,438,643,627
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex (ii)		-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	99,576,454,817	44,609,019,099
Ngân hàng Bangkok đại chúng	37,681,324,615	19,805,764,745
Ngân hàng TMCP công thương VN- CN Hải Dương	276,223,354,303	225,377,369,856
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	30,146,984,505	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương (VIB - CN HD)		-
Ngân hàng TMCP ngoại thương VN CN HD	171,628,133,601	75,183,501,563
Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	4,067,484,694	12,224,025,000
Ngân hàng Citibank N.A - Chi nhánh TP Hà nội	30,096,673,200	30,131,574,806
<b>Cộng</b>	<b><u>800,794,847,498</u></b>	<b><u>0 438,769,898,696</u></b>

**5.9 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>31/12/2016</u> <u>VND</u>	<u>1/1/2016</u> <u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (ii)	51,599,241,732	65,997,696,452
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	105,934,685,106	34,271,339,814
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Dương	120,300,000,000	66,300,000,000
Ngân hàng TMCP ngoại thương VN CN HD	27,385,000,000	4,693,625,000
Ngân hàng Đầu tư và phát triển -SGD	9,426,071,200	
Vay khác	92,606,640,000	
Trái phiếu phát hành	575,327,500,000	
<b>Cộng</b>	<b><u>982,579,138,038</u></b>	<b><u>171,262,661,266</u></b>



**5.10 TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 1/1/2015	396,000,000,000	147,501,567,329	-	31,389,007,730	14,053,617,323	9,388,849,208	187,992,781,673	786,325,823,26
Tăng vốn trong năm	98,999,880,000	(93,000,000)	-	-	-	-	-	98,906,880,00
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	532,942,612	40,015,870,985	40,548,813,59
Trích lập các quỹ	-	-	-	4,561,751,918	-	-	(10,469,641,990)	(5,907,890,07
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	(101,099,880,000)	(101,099,880,00
Chia cổ tức	-	-	1,587,734,457	-	-	-	-	1,587,734,45
Chi tiền quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>494,999,880,000</b>	<b>147,408,567,329</b>	<b>1,587,734,457</b>	<b>35,950,759,648</b>	<b>13,177,404,323</b>	<b>9,921,791,820</b>	<b>116,439,130,668</b>	<b>819,485,268,24</b>
Tăng vốn trong kỳ	74,650,000,000	13,597,500,000	-	-	-	-	(4,000,000,000)	84,247,500,00
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	939,541,652	141,985,475,965	142,925,017,61
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	2,324,127,281	-	-	(6,012,546,847)	(3,688,419,56
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	(86,549,979,600)	(86,549,979,60
Tăng khác	-	-	205,250,085	-	-	-	-	205,250,08
Chi tiền quỹ	-	(284,800,000)	(1,587,734,457)	-	-	-	-	(1,872,534,45
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>569,649,880,000</b>	<b>160,721,267,329</b>	<b>205,250,085</b>	<b>38,274,886,929</b>	<b>13,177,404,323</b>	<b>10,861,333,472</b>	<b>161,862,080,186</b>	<b>954,752,102,32</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**QUÝ IV NĂM 2016**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2016  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA**  
**VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**  
Lô CN 11+CN 12 Cụm CN An Đông  
Nam Sách – Hải Dương

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2015
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,771,626,574	1,035,269,362	5,365,908,986	5,536,394,107
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7,592,710,357	2,968,972,497	18,066,865,876	12,025,663,328
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	0	0	0	-
Lãi từ đầu tư trái phiếu	0	0	6,766,074,000	4,832,910,000
Cổ tức được chia	0	0	30,198,848,862	22,394,967,435
<b>Cộng</b>	<b>9,364,336,931</b>	<b>4,004,241,859</b>	<b>30,198,848,862</b>	<b>22,394,967,435</b>

**6.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2015
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền vay	7,265,829,226	6,473,520,309	27,284,472,139	24,065,811,358
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8,716,825,576	6,364,336,741	15,834,186,936	24,714,728,440
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10,476,192,968	1,211,216,521	10,808,822,854	1,211,216,521
Chi phí tài chính khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>26,458,847,770</b>	<b>14,049,073,571</b>	<b>53,927,481,929</b>	<b>49,991,756,319</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

*fa*

HỒ THỊ HÒE

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*huchet*

HÒA THỊ THU HÀ

